

Bản án số: 03/2018/DS-ST
Ngày: 21 - 6 - 2018
V/v tranh chấp Kiện đòi nợ.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Minh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Xuân Trường.

2. Ông Đinh Tuấn Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Nghiêm Thị Bích Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 20/2017/TLST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2017 về việc tranh chấp “Kiện đòi nợ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2018/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1971 và ông Phạm Thanh S, sinh năm 1970.

Cùng địa chỉ: Xóm N, xã Đ, huyện K, tỉnh H.

Người đại diện theo ủy quyền của ông S: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1971 - Là vợ ông S (theo giấy ủy quyền ngày 20/11/2017).

2. Bị đơn: Bà Đinh Thị V, sinh năm 1973 và ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1969.

Cùng địa chỉ: Xóm M, thôn L, xã Đ, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

Phiên tòa có mặt bà L; vắng mặt ông S, bà V, ông V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 9 năm 2017, được bổ sung bằng các lời khai tại Toà án, nguyên đơn là vợ chồng bà Nguyễn Thị L và ông Phạm Thanh S trình bày: Do bên nguyên đơn mở cửa hàng mua bán thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm, nên ngày 04/7/2016, bà V đã đến cửa hàng của nguyên đơn đặt vấn đề mua cám chịu đẻ chăn nuôi lợn và được bên nguyên đơn đồng ý. Hai bên thỏa thuận về giá cả, số lượng cám lấy từng lần, mã số bao cám, số tiền nợ từng ngày sẽ được ghi vào sổ ghi nợ do ông S, bà L giữ có chữ ký của bà V trong từng

lần lấy cám, thời hạn thanh toán là khi nào bà V không lấy cám nữa hoặc khi bán lợn xong thì bà V sẽ trả tiền cám, khi đó hai bên chỉ thỏa thuận bằng miệng chứ không lập thành văn bản. Sau khi thỏa thuận, kể từ ngày 04/7/2016 đến ngày 17/9/2016, bà V đã 22 lần mua chịu cám lợn của vợ chồng nguyên đơn. Tuy nhiên sau ngày 17/9/2016 bà V dùng không lấy cám nữa mà không có lý do. Vì vậy nguyên đơn đã rất nhiều lần đến yêu cầu vợ chồng bà V, ông V thanh toán trả nợ, nhưng bên bị đơn chỉ khát lần mà không chịu thanh toán trả cho bên nguyên đơn một khoản nợ nào. Nay nguyên đơn đề nghị Tòa án buộc vợ chồng bà V, ông V phải trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền nợ gốc là 29.549.000đồng và lãi suất quá hạn đối với khoản nợ chậm thanh toán tính từ thời điểm 18/9/2016 (thời điểm hai bên dùng mua bán) đến 18/9/2017 (thời điểm nguyên đơn làm đơn khởi kiện) là $29.549.000\text{đồng} \times 11 \text{ tháng} \times 1\% = 3.250.390\text{đồng}$, tổng cả gốc và lãi là 32.799.390đồng (ba mươi hai triệu bảy trăm chín mươi chín nghìn ba trăm chín mươi đồng).

Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/4/2018 và lời khai khác tại Tòa án, bị đơn là bà V xác nhận về thời gian, địa điểm vợ chồng bà mua cám, từng ngày vợ chồng bà lấy cám, số lượng cám, giá cả từng lần lấy cám, chữ ký từng lần lấy cám đúng là chữ ký của bà trong sổ ghi nợ gốc của bà L và ông S. Cụ thể là từ ngày 04/7/2016 đến ngày 17/9/2016, vợ chồng bà đã nhiều lần mua chịu cám lợn của vợ chồng ông S, bà L đúng như số tiền nợ trong sổ ghi nợ gốc của bà L, ông S đã xuất trình với tổng số tiền còn nợ là 29.549.000đồng. Tuy nhiên sau ngày 17/9/2016 vài ngày, bà đã đến nhà bà L, ông S lấy cám như những lần trước thì ông S không bán cám nợ cho bà nữa và nói với bà từ lần sau mua cám phải có tiền mặt thanh toán thì mới bán. Từ đó bà không mua cám nhà bà L, ông S nữa. Sau khi bà không mua cám nữa thì bà L, ông S có đến nhà bà nhiều lần đòi nợ nhưng bà không thanh toán với lý do bà L, ông S tự ý dùng không bán cám cho bà nữa. Nay vợ chồng bà L kiện đòi vợ chồng bà số nợ 29.549.000đồng, bà không đồng ý thanh toán do vợ chồng bà L thực hiện không đúng thỏa thuận giữa hai bên, nếu vợ chồng bà L muốn vợ chồng bà trả nợ thì vợ chồng bà L phải nhận sai và xin lỗi bà tại Tòa án thì vợ chồng bà sẽ thanh toán trả dần số nợ hàng năm, nếu không chấp nhận bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Riêng đối với yêu cầu tính lãi, bà không đồng ý vì khi mua chịu cám, vợ chồng bà L đã tính lãi trên từng bao cám.

Đối với bị đơn là ông V không có lời khai, vì khi Tòa án đến làm việc, ông V từ chối không làm việc với Tòa án và không khai báo gì.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu đề nghị buộc vợ chồng bà V, ông V phải trả cho vợ chồng nguyên đơn số tiền mua cám nợ là 29.549.000đồng và có ý kiến thay đổi, bổ sung về khoản lãi, đề nghị Tòa án buộc vợ chồng bà V, ông V phải chịu khoản lãi suất do chậm trả tính từ ngày 18/9/2016 cho đến ngày xét xử vụ án theo quy định của pháp luật. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 428,

432, 438, 305, 476 của Bộ luật Dân sự 2005, Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn. Buộc vợ chồng bà Đinh Thị V và ông Nguyễn Văn V phải có trách nhiệm trả nợ cho vợ chồng bà L, ông S toàn bộ số tiền nợ do mua cám là 29.549.000đồng và tiền lãi trên nợ gốc, tính từ ngày 18/9/2016 đến thời điểm xét xử, lãi suất theo quy định của pháp luật; án phí đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Sau khi thụ lý, Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng đã gửi Thông báo thụ lý vụ án hợp lệ cho các đương sự, nhưng bên bị đơn là vợ chồng bà Đinh Thị V và ông Nguyễn Văn V không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập đương sự, nhưng bên bị đơn không đến Tòa án để làm việc, nên Tòa án đã phối hợp cùng đại diện UBND xã Đ đến lấy lời khai tại nhà bị đơn, sau đó đã niêm yết công khai Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bên bị đơn chỉ có bà V có mặt, riêng ông V vẫn cố tình vắng mặt không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Sau khi ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng đã tổng đạt hợp lệ cho đương sự, nhưng bên bị đơn vẫn vắng mặt tại phiên tòa, nên phải hoãn phiên tòa lần thứ nhất. Tại phiên tòa lần thứ hai, mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thủ tục phiên tòa, nhưng bên bị đơn lại tiếp tục vắng mặt mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan. Vì vậy căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng vẫn tiến hành đưa vụ án ra xét xử.

[2] Về quan hệ pháp luật: Vợ chồng bà L, ông S khởi kiện đòi vợ chồng bà V, ông V có trách nhiệm trả khoản tiền nợ do mua cám lợn chịu, nên đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng dân sự; bị đơn cư trú trong địa bàn huyện Kim Bảng, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về áp dụng pháp luật nội dung: Giao dịch dân sự được thực hiện từ ngày 04/7/2016 đến ngày 17/9/2016. Như vậy sự kiện pháp lý xảy ra trước ngày Bộ luật Dân sự 2015 có hiệu lực, nên cần áp dụng Bộ luật Dân sự 2005 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết Bộ luật Dân sự 2005 để giải quyết vụ án.

[4] Về nghĩa vụ trả nợ: Theo sổ ghi nợ do vợ chồng bà L xuất trình đã xác định rõ từ ngày 04/7/2016 đến ngày 17/9/2016, bà V đã có 22 lần mua cám lợn

(thức ăn chăn nuôi) chịu của vợ chồng bà L, ông S với tổng số tiền là 29.549.000đồng. Mặc dù hai bên chưa chốt số nợ ghi trong sổ với nhau, nhưng bà V đã thừa nhận về thời gian hai bên mua bán cám lợn, số lượng cám, số lần, số tiền và chữ ký của bà V ghi trong sổ do nguyên đơn xuất trình là đúng, nên việc nguyên đơn khởi kiện buộc vợ chồng bà V, ông V phải có trách nhiệm thanh toán trả toàn bộ số tiền 29.549.000đồng do mua cám lợn còn nợ cho nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Việc bà V không đồng ý thanh toán trả nợ tiền cám lợn cho nguyên đơn với lý do nguyên đơn tự ý dừng không bán cám cho bà V, nhưng bà V lại không đưa ra được căn cứ nào chứng minh cho lời khai của mình, nên bà V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, vì khi hai bên mua bán cám lợn chỉ thỏa thuận miệng về thời gian cung cấp cám, không thỏa thuận rõ thời gian kết thúc, nên đề nghị này của bà V không được chấp nhận.

[5] Về lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Do nguyên đơn yêu cầu vợ chồng bà V phải trả lãi, nên vợ chồng bà V còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, cụ thể tính từ ngày 18/9/2016 cho đến ngày xét xử là 641 ngày x 29.549.000đồng x với mức lãi suất cơ bản 09%/năm là phù hợp với quy định tại Điều 305 của Bộ luật Dân sự 2005.

[6] Về án phí: Vợ chồng bà V, ông V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với các khoản tiền phải trả cho nguyên đơn gồm tiền nợ gốc chưa thanh toán và tiền lãi suất theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn được hoàn lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 428, 432, 438, 305, 476 của Bộ luật Dân sự 2005, điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự 2015; Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc vợ chồng bà Đinh Thị V, ông Nguyễn Văn V phải thanh toán trả cho vợ chồng bà Nguyễn Thị L, ông Phạm Thanh S số tiền nợ gốc là 29.549.000đồng, cùng số tiền lãi là 4.670.000đồng. Tổng cộng là 34.219.000đồng (Ba mươi tư triệu hai trăm mười chín nghìn đồng).

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc vợ chồng bà Đinh Thị V, ông Nguyễn Văn V phải chịu 1.710.000đồng. Hoàn trả lại vợ chồng bà L, ông S

số tiền 810.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001261 ngày 07/11/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn không thi hành thì ngoài số tiền phải trả, bị đơn còn phải chịu khoản lãi suất 10%/năm tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Kim Bảng;
- Chi cục THADS huyện Kim Bảng;
- Công TTĐT của Tòa án;
- Lưu: hồ sơ vụ án + văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Trần Quang Minh